TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019.
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan -** Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân.**

Bà **Trần Thị Lệ.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019 về việc **"**Xin ly hôn**"**.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Gành D, xã Gành D, Phú Q, Kiên G.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Phước T,** sinh năm 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 249/3 Lâm Quang K, P. Vĩnh Lạc, Rạch G, Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:** Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng rạn nứt, ông T đã có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, nên ông bà không còn thương yêu, quý trọng nhau, ông bà đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà T xác định có 02 người con chung tên Hồ Thị Xuân Q, sinh năm 1992 (Đã trưởng thành) và Hồ Minh S, sinh năm 1994 (Đã mất năm 2015).
- Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Hồ Phước T.
- Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 9/4/2019 bị đơn ông Hồ Phước T trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị T có chung sống với nhau như vợ chồng, quá trình chung sống ông bà bất đồng quan điểm nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay.

- Về hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.
- Về con chung: Ông T xác định có 02 người con chung tên Hồ Thị Xuân Q, sinh năm 1992 (Đã trưởng thành) và Hồ Minh S, sinh năm 1994 (Đã mất năm 2015).
- Về tài sản chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Hồ Phước T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hồ Phước T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Phước T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đời sống chung không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông T không còn quan tâm chăm sóc vợ con nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T. Tại bản tự khai cũng như đơn xin vắng mặt của ông T hoàn toàn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 sau nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Phước T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà T và ông T xác định có 02 người con chung tên Hồ Thị Xuân Q, sinh năm 1992 (Đã trưởng thành) và Hồ Minh S, sinh năm 1994 (Đã mất năm 2015). Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Phước T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà T và ông T xác định có 02 người con chung tên Hồ Thị Xuân Q, sinh năm 1992 (Đã trưởng thành) và Hồ Minh S, sinh năm 1994 (Đã mất năm 2015). Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001630 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Tröôøng hôïp baûn aùn ñöôïc thi haønh theo qui ñònh taïi Ñieàu 2 Luaät thi haønh aùn daân söï thì ngöôøi ñöôïc thi haønh aùn daân söï, ngöôøi phaûi thi haønh aùn daân söï coù quyeàn thoûa thuaän thi haønh aùn, quyeàn yeâu caàu thi haønh aùn, töï nguyeän thi haønh aùn hoaëc bò cöôõng cheá thi haønh aùn theo qui ñònh taïi caùc ñieàu 6,7 vaø 9 Luaät thi haønh aùn daân söï; thôøi hieäu thi haønh aùn ñöôïc thöïc hieän theo qui ñònh taïi Ñieàu 30 Luaät thi haønh aùn daân söï.

TM. HOÄI ÑOÀNG

XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM

THAÅM PHAÙN –

Nôi nhaän:

CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---?✪▯---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---?✪▯---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 24 tháng 4 năm 2019

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** và bà **Trần Thị Lệ.**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 133/2019/TLST- HNGĐ ngaøy 8 thaùng 4 naêm 2019 veà tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 5 ấp Gành D, xã Gành D, Phú Q, Kiên G.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Phước T,** sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 249/3 Lâm Quang K, P. Vĩnh Lạc, Rạch G, Kiên G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Phước T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà T và ông T xác định có 02 người con chung tên Hồ Thị Xuân Q, sinh năm 1992 (Đã trưởng thành) và Hồ Minh S, sinh năm 1994 (Đã mất năm 2015). Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001630 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà T không phải nộp thêm

6. Quyeàn khaùng caùo**:** Nguyeân ñôn coù quyeàn khaùng caùo baûn aùn trong haïn 15 ngaøy keå töø ngaøy tuyeân aùn sô thaåm. Riêng bị đơn có quyeàn khaùng caùo baûn aùn trong haïn 15 ngaøy keå töø ngaøy nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Tröôøng hôïp baûn aùn ñöôïc thi haønh theo qui ñònh taïi Ñieàu 2 Luaät thi haønh aùn daân söï thì ngöôøi ñöôïc thi haønh aùn daân söï, ngöôøi phaûi thi haønh aùn daân söï coù quyeàn thoûa thuaän thi haønh aùn, quyeàn yeâu caàu thi haønh aùn, töï nguyeän thi haønh aùn hoaëc bò cöôõng cheá thi haønh aùn theo qui ñònh taïi caùc ñieàu 6,7 vaø 9 Luaät thi haønh aùn daân söï; thôøi hieäu thi haønh aùn ñöôïc thöïc hieän theo qui ñònh taïi Ñieàu 30 Luaät thi haønh aùn daân söï.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ….phút ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Bieân baûn nghị án ñaõ được đọc lại cho tất cả thaønh vieân hoäi ñoàng xeùt xöû cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hoäi đồng xét xử **Thẩm phán -Chuû toïa phiên tòa**